



gòu wù

购物

Verb · shopping

Example Sentences

wǒ xǐ huān gòu wù
我喜 欢 购 物。

I like shopping.

zhōu mò wǒ jīng cháng hé péng you yì qǐ qù gòu wù
周 末 我 经 常 和 朋 友 一 起 去 购 物。

I often go shopping with friends on weekends.

zài xiàn gòu wù yǐ jīng chéng wéi xiàn dài rén shēng huó de yí bù fēn
在 线 购 物 已 经 成 为 现 代 人 生 活 的 一 部 分。

Online shopping has become a part of modern people's lives.

Trace each character, then write the word on your own.

购	购	购	购	购	购	购	购	购	购	购
物	物	物	物	物	物	物	物	物	物	物